

TIÊU CHUẨN KỸ NĂNG NGHỀ

TÊN NGHỀ: PHÂN TÍCH CƠ LÝ - HÓA XI MĂNG

MÃ SỐ NGHỀ: 40511402

ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG

Tiêu chuẩn kỹ năng nghề phân tích cơ lý - hóa xi măng được xây dựng và ban hành giúp người lao động định hướng phấn đấu nâng cao trình độ về kiến thức và kỹ năng của bản thân thông qua việc học tập hoặc tích lũy kinh nghiệm trong quá trình làm việc để có cơ hội thăng tiến trong nghề nghiệp; Người sử dụng lao động có cơ sở tuyển chọn lao động, bố trí công việc và trả lương hợp lý cho người lao động; ngoài ra các cơ sở dạy nghề có căn cứ để xây dựng chương trình dạy nghề tiếp cận chuẩn kỹ năng nghề quốc gia và các cơ quan có thẩm quyền có căn cứ để tổ chức thực hiện việc đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho người lao động.

MÔ TẢ NGHỀ

TÊN NGHỀ: PHÂN TÍCH CƠ LÝ - HÓA XI MĂNG

MÃ SỐ NGHỀ: 40511402

Nghề phân tích Cơ lý - Hóa xi măng là nghề sử dụng các thiết bị, dụng cụ, hóa chất để thực hiện các thí nghiệm phân tích cơ lý và thí nghiệm hóa học nhằm xác định các tính chất kỹ thuật, thành phần hóa học của clinker, xi măng và các loại nguyên, nhiên liệu, phụ gia dùng trong công nghiệp sản xuất xi măng.

Thiết bị, dụng cụ chính dùng trong nghề phân tích Cơ lý - Hóa bao gồm: Hệ thống máy QCX, lò nung, tủ sấy, cân phân tích, cân kỹ thuật, máy nén thủy lực, máy dẫn, máy trộn vữa, khuôn đúc mẫu, thiết bị Blaine, dụng cụ Vica và một số dụng cụ chuyên dùng khác.

Người hành nghề phân tích cơ lý - hóa xi măng chủ yếu làm việc trong các phòng thí nghiệm của các cơ sở sản xuất, kinh doanh và nghiên cứu về xi măng. Kết quả thí nghiệm thường đòi hỏi độ chính xác cao, môi trường thực hiện thí nghiệm thường độc hại và tiềm ẩn các nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, dễ gây mất an toàn cho người và thiết bị. Vì vậy, người lao động cần phải có kiến thức nghề nghiệp vững vàng, sâu rộng, có trình độ để nghiên cứu, cải tiến qui trình thí nghiệm mới tiên tiến hơn; có kỹ năng khéo léo để thực hiện chính xác các thao tác thí nghiệm và sử dụng thành thạo các thiết bị, dụng cụ thí nghiệm. Đồng thời, người hành nghề cũng cần có đức tính cẩn thận, cần cù, tỷ mỉ, có sức khỏe tốt, có phản xạ nhanh nhạy để xử lý được

các sự cố xảy ra khi thực hiện công việc và thực hiện tốt các nội qui an toàn, vệ sinh lao động, vệ sinh môi trường nơi làm việc.

TaiLieu.vn

DANH MỤC CÔNG VIỆC

TÊN NGHỀ: PHÂN TÍCH CƠ LÝ - HÓA XI MĂNG

MÃ SỐ NGHỀ: 40511402

TT	Mã số công việc	Công việc	Trình độ kỹ năng nghề				
			Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5
	A	Phân tích đá vôi					
1	A1	Lấy mẫu đá vôi	x				
2	A2	Gia công mẫu đá vôi		x			
3	A3	Lưu và bảo quản mẫu đá vôi	x				
4	A4	Xác định độ ẩm của đá vôi	x				
5	A5	Xác định hàm lượng mất khi nung của đá vôi		x			
6	A6	Xác định hàm lượng cặn không tan của đá vôi		x			
7	A7	Xác định hàm lượng SiO_2 của đá vôi			x		
8	A8	Xác định hàm lượng Fe_2O_3 của đá vôi			x		
9	A9	Xác định hàm lượng Al_2O_3 của đá vôi			x		
10	A10	Xác định hàm lượng CaO của đá vôi			x		
11	A11	Xác định hàm lượng MgO của đá vôi			x		
12	A12	Xác định hàm lượng SO_3 của đá vôi			x		
13	A13	Xác định hàm lượng TiO_2 của đá vôi				x	
14	A14	Xác định hàm lượng Cl^- của đá vôi			x		
15	A15	Xác định hàm lượng $\text{Na}_2\text{O} + \text{K}_2\text{O}$ của đá vôi				x	
16	A16	Xác định tổng hàm lượng			x		

		cacbonat của đá vôi					
	B	Phân tích đá sét					
17	B1	Lấy mẫu đá sét	x				
18	B2	Gia công mẫu đá sét		x			
19	B3	Lưu và bảo quản mẫu đá sét	x				
20	B4	Xác định độ ẩm của đá sét	x				
21	B5	Xác định hàm lượng mất khi nung của đá sét		x			
22	B6	Xác định hàm lượng cặn không tan của đá sét		x			
23	B7	Xác định hàm lượng SiO_2 của đá sét			x		
24	B8	Xác định hàm lượng Fe_2O_3 của đá sét			x		
25	B9	Xác định hàm lượng Al_2O_3 của đá sét			x		
26	B10	Xác định hàm lượng CaO của đá sét			x		
27	B11	Xác định hàm lượng MgO của đá sét			x		
28	B12	Xác định hàm lượng SO_3 của đá sét			x		
29	B13	Xác định hàm lượng TiO_2 của đá sét				x	
30	B14	Xác định hàm lượng Cl^- của đá sét			x		
31	B15	Xác định hàm lượng $\text{Na}_2\text{O} + \text{K}_2\text{O}$ của đá sét				x	
	C	Phân tích nguyên liệu điều chỉnh ôxit sắt					
32	C1	Lấy mẫu nguyên liệu điều chỉnh ôxit sắt	x				
33	C2	Gia công mẫu nguyên liệu điều chỉnh ôxit sắt		x			
34	C3	Lưu và bảo quản mẫu nguyên liệu điều chỉnh ôxit sắt	x				
35	C4	Xác định độ ẩm của nguyên liệu	x				

		điều chỉnh ôxit sắt					
36	C5	Xác định hàm lượng mất khi nung của nguyên liệu điều chỉnh ôxit sắt		x			
37	C6	Xác định hàm lượng SiO_2 của nguyên liệu điều chỉnh ôxit sắt			x		
38	C7	Xác định hàm lượng Fe_2O_3 của nguyên liệu điều chỉnh ôxit sắt			x		
39	C8	Xác định hàm lượng Al_2O_3 của nguyên liệu điều chỉnh ôxit sắt			x		
40	C9	Xác định hàm lượng CaO của nguyên liệu điều chỉnh ôxit sắt			x		
41	C10	Xác định hàm lượng MgO của nguyên liệu điều chỉnh ôxit sắt			x		
	D	Phân tích nguyên liệu điều chỉnh oxit nhôm					
42	D1	Lấy mẫu nguyên liệu điều chỉnh ôxit nhôm	x				
43	D2	Gia công mẫu nguyên liệu điều chỉnh ôxit nhôm		x			
44	D3	Lưu và bảo quản mẫu nguyên liệu điều chỉnh ôxit nhôm	x				
45	D4	Xác định độ ẩm của nguyên liệu điều chỉnh ôxit nhôm	x				
46	D5	Xác định hàm lượng mất khi nung của nguyên liệu điều chỉnh ôxit nhôm		x			
47	D6	Xác định hàm lượng SiO_2 của nguyên liệu điều chỉnh ôxit nhôm			x		
48	D7	Xác định hàm lượng Fe_2O_3 của nguyên liệu điều chỉnh ôxit nhôm			x		
49	D8	Xác định hàm lượng Al_2O_3 của nguyên liệu điều chỉnh ôxit nhôm			x		
50	D9	Xác định hàm lượng CaO của nguyên liệu điều chỉnh ôxit nhôm			x		

51	D10	Xác định hàm lượng MgO của nguyên liệu điều chỉnh ôxit nhôm			x		
	E	Phân tích nguyên liệu điều chỉnh oxit silic					
52	E1	Lấy mẫu nguyên liệu điều chỉnh ôxit silic	x				
53	E2	Gia công mẫu nguyên liệu điều chỉnh ôxit silic		x			
54	E3	Lưu và bảo quản mẫu nguyên liệu điều chỉnh ôxit silic	x				
55	E4	Xác định độ ẩm của nguyên liệu điều chỉnh ôxit silic	x				
56	E5	Xác định hàm lượng mất khi nung của nguyên liệu điều chỉnh ôxit silic		x			
57	E6	Xác định hàm lượng SiO ₂ của nguyên liệu điều chỉnh ôxit silic			x		
58	E7	Xác định hàm lượng Fe ₂ O ₃ của nguyên liệu điều chỉnh ôxit silic			x		
59	E8	Xác định hàm lượng Al ₂ O ₃ của nguyên liệu điều chỉnh ôxit silic			x		
60	E9	Xác định hàm lượng CaO của nguyên liệu điều chỉnh ôxit silic			x		
61	E10	Xác định hàm lượng MgO của nguyên liệu điều chỉnh ôxit silic			x		
	F	Phân tích phụ gia đầy					
62	F1	Lấy mẫu phụ gia đầy	x				
63	F2	Gia công mẫu phụ gia đầy		x			
64	F3	Lưu và bảo quản mẫu phụ gia đầy	x				
65	F4	Xác định độ ẩm của phụ gia đầy	x				
66	F5	Xác định hàm lượng mất khi nung của phụ gia đầy		x			
67	F6	Xác định hàm lượng SiO ₂ của phụ gia đầy			x		
68	F7	Xác định hàm lượng Fe ₂ O ₃ của phụ gia đầy			x		

69	F8	Xác định hàm lượng Al_2O_3 của phụ gia đầy			x		
70	F9	Xác định hàm lượng CaO của phụ gia đầy			x		
71	F10	Xác định hàm lượng MgO của phụ gia đầy			x		
	G	Phân tích phụ gia khoáng hoạt tính					
72	G1	Lấy mẫu phụ gia khoáng hoạt tính	x				
73	G2	Gia công mẫu phụ gia khoáng hoạt tính		x			
74	G3	Lưu và bảo quản mẫu phụ gia khoáng hoạt tính	x				
75	G4	Xác định độ ẩm của phụ gia khoáng hoạt tính	x				
76	G5	Xác định hàm lượng mất khi nung của phụ gia khoáng hoạt tính		x			
77	G6	Xác định hàm lượng SiO_2 của phụ gia khoáng hoạt tính			x		
78	G7	Xác định hàm lượng Fe_2O_3 của phụ gia khoáng hoạt tính			x		
79	G8	Xác định hàm lượng Al_2O_3 của phụ gia khoáng hoạt tính			x		
80	G9	Xác định hàm lượng CaO của phụ gia khoáng hoạt tính			x		
81	G10	Xác định hàm lượng MgO của phụ gia khoáng hoạt tính			x		
82	G11	Xác định thời gian kết thúc đông kết của vữa vôi - phụ gia			x		
83	G12	Xác định độ bền nước của vữa vôi - phụ gia			x		
84	G13	Xác định chỉ số hoạt tính cường độ của phụ gia khoáng			x		
85	G14	Xác định hàm lượng tạp chất bụi và sét của phụ gia khoáng	x				
	H	Phân tích thạch cao					

86	H1	Lấy mẫu thạch cao	x				
87	H2	Gia công mẫu thạch cao		x			
88	H3	Lưu và bảo quản mẫu thạch cao	x				
89	H4	Xác định độ ẩm của thạch cao	x				
90	H5	Xác định hàm lượng nước kết tinh của thạch cao			x		
91	H6	Xác định hàm lượng SO_3 của thạch cao			x		
92	H7	Xác định hàm lượng SiO_2 + CKT của thạch cao			x		
	I	Phân tích cát tiêu chuẩn ISO					
93	I1	Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu cát tiêu chuẩn ISO	x				
94	I2	Lưu và bảo quản mẫu cát tiêu chuẩn ISO	x				
95	I3	Xác định khối lượng cát trong mỗi túi	x				
96	I4	Xác định độ ẩm của cát tiêu chuẩn ISO	x				
97	I5	Xác định thành phần hạt của cát	x				
98	I6	Xác định hàm lượng mất khi nung của cát tiêu chuẩn ISO		x			
99	I7	Xác định hàm lượng SiO_2 của cát tiêu chuẩn ISO			x		
	K	Phân tích nhiên liệu					
100	K1	Lấy mẫu than nhập		x			
101	K2	Lấy mẫu than trên dây chuyền	x				
102	K3	Gia công mẫu than		x			
103	K4	Lưu và bảo quản mẫu than	x				
104	K5	Xác định độ ẩm của than	x				
105	K6	Xác định độ mịn của than		x			
106	K7	Xác định độ tro của than		x			
107	K8	Xác định hàm lượng chất bốc của than		x			
108	K9	Xác định nhiệt trị của than bằng bom nhiệt lượng			x		

109	K10	Xác định hàm lượng lưu huỳnh trong than			x		
110	K11	Lấy mẫu dầu	x				
111	K12	Lưu và bảo quản mẫu dầu	x				
112	K13	Xác định hàm lượng nước lẫn trong dầu		x			
113	K14	Xác định hàm lượng lưu huỳnh trong dầu			x		
114	K15	Xác định nhiệt trị của dầu bằng bom nhiệt lượng			x		
115	K16	Xác định độ nhớt của dầu			x		
116	K17	Xác định khối lượng riêng của dầu		x			
	L	Phân tích phối liệu					
117	L1	Lấy mẫu phối liệu	x				
118	L2	Lưu và bảo quản mẫu phối liệu	x				
119	L3	Xác định độ ẩm của phối liệu	x				
120	L4	Xác định độ mịn của phối liệu		x			
121	L5	Xác định hàm lượng mất khi nung của phối liệu		x			
122	L6	Xác định tít phối liệu		x			
123	L7	Xác định hàm lượng SiO_2 của phối liệu			x		
124	L8	Xác định hàm lượng Fe_2O_3 của phối liệu			x		
125	L9	Xác định hàm lượng Al_2O_3 của phối liệu			x		
126	L10	Xác định hàm lượng CaO của phối liệu			x		
127	L11	Xác định hàm lượng MgO của phối liệu			x		
	M	Phân tích tính chất cơ lý của clinker và xi măng					
128	M1	Lấy mẫu clinker	x				
129	M2	Gia công mẫu clinker		x			
130	M3	Lưu và bảo quản mẫu clinker	x				
131	M4	Lấy mẫu xi măng	x				

132	M5	Lưu và bảo quản mẫu xi măng	x				
133	M6	Xác định dung trọng của clinker	x				
134	M7	Xác định cỡ hạt của clinker	x				
135	M8	Xác định hệ số nghiền của clinker			x		
136	M9	Xác định hoạt tính cường độ của clinker			x		
137	M10	Xác định khối lượng riêng của xi măng			x		
138	M11	Xác định khối lượng thể tích của xi măng		x			
139	M12	Xác định độ mịn của xi măng bằng phương pháp sàng		x			
140	M13	Xác định độ mịn của xi măng bằng phương pháp Blaine			x		
141	M14	Xác định lượng nước tiêu chuẩn của xi măng			x		
142	M15	Xác định thời gian đông kết của xi măng			x		
143	M16	Xác định độ ổn định thể tích của xi măng			x		
144	M17	Xác định cường độ của xi măng			x		
145	M18	Xác định khả năng giữ nước của xi măng xây trát			x		
146	M19	Xác định độ trắng của xi măng portland trắng	x				
147	M20	Xác định độ nở sunfat của xi măng portland bền sunfat			x		
148	M21	Xác định độ nở autoclave của xi măng				x	
149	M22	Xác định sự thay đổi chiều dài thanh vữa trong dung dịch sunfat				x	
150	M23	Xác định nhiệt thủy hóa của xi măng				x	
	N	Phân tích thành phần hóa học của clinker và xi măng					
151	N1	Xác định độ ẩm của clinker và xi măng	x				

152	N2	Xác định hàm lượng mất khi nung của clinker và xi măng		x			
153	N3	Xác định hàm lượng cặn không tan của clinker và xi măng		x			
154	N4	Xác định hàm lượng SiO_2 của clinker và xi măng			x		
155	N5	Xác định hàm lượng Fe_2O_3 của clinker và xi măng			x		
156	N6	Xác định hàm lượng Al_2O_3 của clinker và xi măng			x		
157	N7	Xác định hàm lượng CaO của clinker và xi măng			x		
158	N8	Xác định hàm lượng MgO của clinker và xi măng			x		
159	N9	Xác định hàm lượng SO_3 của clinker và xi măng			x		
160	N10	Xác định hàm lượng vôi tự do của clinker và xi măng			x		
161	N11	Xác định hàm lượng $\text{K}_2\text{O} + \text{Na}_2\text{O}$ của clinker và xi măng				x	
162	N12	Xác định hàm lượng TiO_2 của clinker và xi măng				x	
163	N13	Xác định hàm lượng MnO của clinker và xi măng				x	
164	N14	Xác định hàm lượng Cl^- của clinker và xi măng			x		
165	N15	Xác định hàm lượng sunfit S^{2-} của clinker và xi măng			x		
	O	Pha chế dung dịch					
166	O1	Pha chế dung dịch tiêu chuẩn			x		
167	O2	Pha chế dung dịch thử phụ			x		
168	O3	Pha chế dung dịch đậm			x		
169	O4	Pha chế chất chỉ thị			x		
	P	Phân tích mẫu bằng hệ thống QCX					
170	P1	Gia công và tạo mẫu		x			
171	P2	Lập đường chuẩn				x	

172	P3	Phân tích mẫu bằng hệ thống QCX		x			
	Q	Kiểm tra và hiệu chuẩn định kỳ một số thiết bị và dụng cụ thí nghiệm					
173	Q1	Hiệu chuẩn thiết bị Blaine			x		
174	Q2	Kiểm tra khuôn Le Chatelier	x				
175	Q3	Kiểm tra khuôn đúc mẫu	x				
176	Q4	Kiểm tra máy trộn mẫu		x			
	R	Tổ chức hoạt động của phòng thí nghiệm					
177	R1	Lập kế hoạch hoạt động của phòng thí nghiệm				x	
178	R2	Bố trí nhân lực của phòng thí nghiệm				x	
179	R3	Quản lý trang thiết bị, vật tư thí nghiệm				x	
180	R4	Quản lý phương pháp thí nghiệm				x	
181	R5	Tham gia giải quyết khiếu nại chất lượng				x	
182	R6	Quản lý hồ sơ, biểu mẫu phòng thí nghiệm	x				
	S	Tham gia quản lý quá trình sản xuất					
183	S1	Tham gia xây dựng các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật				x	
184	S2	Tham gia xây dựng tiêu chuẩn cơ sở của doanh nghiệp				x	
185	S3	Tham gia xây dựng định mức vật tư trong công nghệ sản xuất				x	
186	S4	Tham gia đánh giá quá trình và kết quả sản xuất				x	
187	S5	Tham gia đánh giá tác động môi trường				x	
	T	Quản lý an toàn và vệ sinh môi trường lao động					

188	T1	Xây dựng quy định an toàn vệ sinh môi trường lao động đối với nghề phân tích Cơ lý - Hóa xi măng				X	
189	T2	Thực hiện qui định về trang bị bảo hộ lao động		X			
190	T3	Thực hiện vệ sinh môi trường lao động		X			
191	T4	Thực hiện qui định về an toàn các thiết bị		X			
192	T5	Thực hiện biện pháp an toàn khi làm việc		X			
193	T6	Sơ cứu người bị tai nạn lao động		X			
194	T7	Hướng dẫn an toàn lao động trước khi làm việc				X	
	U	Phát triển nghề nghiệp					
195	U1	Xây dựng kế hoạch phát triển nghề nghiệp				X	
196	U2	Cập nhật kỹ thuật, qui trình phân tích mới				X	
197	U3	Học tập, bồi dưỡng chuyên môn				X	
198	U4	Đào tạo người mới vào nghề				X	
199	U5	Tham gia nghiên cứu phát triển sản phẩm mới					X
200	U6	Tham gia nghiên cứu phương pháp thử nghiệm mới					X

TIÊU CHUẨN THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

TÊN CÔNG VIỆC: Lấy mẫu đá vôi.

MÃ SỐ CÔNG VIỆC: A1

I. MÔ TẢ CÔNG VIỆC

Thực hiện việc lấy mẫu đá vôi theo các cách thức quy định để đáp ứng kịp thời việc kiểm tra chất lượng đá vôi nhập, đá vôi sau khi đồng nhất hoặc trước khi cấp cho máy nghiền phối liệu.

II. CÁC TIÊU CHÍ THỰC HIỆN

- Lựa chọn dụng cụ, thiết bị để lấy mẫu đá vôi hợp quy cách.
- Mẫu đá vôi được lấy đúng phương pháp, tần suất và vị trí theo quy định, đảm bảo tính đại diện cho đồng đá vôi và vận chuyển an toàn về phòng thí nghiệm.
- Việc lấy mẫu phải được lập biên bản ghi đầy đủ, rõ ràng, chính xác theo mẫu quy định.
- Thực hiện đúng quy định về an toàn, vệ sinh lao động, bảo quản dụng cụ, thiết bị lấy mẫu.

III. CÁC KỸ NĂNG VÀ KIẾN THỨC THIẾT YẾU

1. Kỹ năng

- Lựa chọn dụng cụ, thiết bị
- Lấy mẫu
- Lập biên bản lấy mẫu

2. Kiến thức

- Hướng dẫn lấy mẫu đá vôi.
- Tác dụng, quy cách của các dụng cụ, thiết bị lấy mẫu.
- Quy định về vệ sinh, an toàn dụng cụ, thiết bị lấy mẫu.

IV. CÁC ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

- Thùng đựng mẫu
- Muôi xúc mẫu, xẻng lấy mẫu, cuốc chim.
- Biên bản lấy mẫu
- Sổ bàn giao mẫu hoặc biên bản bàn giao mẫu
- Mẫu đá vôi

V. TIÊU CHÍ VÀ CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG

Tiêu chí đánh giá	Cách thức đánh giá
- Việc lấy mẫu đá vôi được thực hiện theo quy trình, ghi lại trong biên bản lấy mẫu, và bàn giao cho các bộ phận liên	- Giám sát quá trình lấy mẫu đối chiếu với quy trình. - Kiểm tra biên bản lấy mẫu.

quan.	
- Mẫu đá vôi được lấy ở các vị trí có sự khác biệt về tính chất, đảm bảo tính đại diện của đồng đá vôi.	- Giám sát quá trình lấy mẫu đối chiếu với quy trình.
- Đảm bảo an toàn lao động cho người và thiết bị trong quá trình lấy mẫu.	- Kiểm tra kiến thức về nội quy an toàn lao động theo quy định. - Đánh giá quá trình thực hiện.
- Việc lấy mẫu đá vôi được thực hiện đúng tần suất, đảm bảo kế hoạch sản xuất.	- Theo dõi việc lấy mẫu đối chiếu với kế hoạch đặt ra.
- Bàn giao mẫu cho các bộ phận liên quan có kí nhận của người giao, nhận mẫu.	- Kiểm tra sổ hoặc biên bản bàn giao mẫu.

TIÊU CHUẨN THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

TÊN CÔNG VIỆC: Gia công mẫu đá vôi.

MÃ SỐ CÔNG VIỆC: A2

I. MÔ TẢ CÔNG VIỆC

Trộn, rút gọn mẫu đá vôi theo các cách thức quy định sau đó bàn giao cho bộ phận phân tích hoặc lưu mẫu.

II. CÁC TIÊU CHÍ THỰC HIỆN

- Lựa chọn dụng cụ, thiết bị để gia công mẫu đá vôi hợp quy cách.
- Mẫu đá vôi được trộn, rút gọn theo quy định, đảm bảo tính đại diện cho đồng đá vôi.
- Việc bàn giao mẫu đá vôi sau gia công được ghi thông tin đầy đủ, rõ ràng, chính xác trong biên bản bàn giao theo quy định.
- Thực hiện đúng quy định về an toàn, vệ sinh lao động, bảo quản dụng cụ, thiết bị gia công mẫu.

III. CÁC KỸ NĂNG VÀ KIẾN THỨC THIẾT YẾU

1. Kỹ năng

- Lựa chọn dụng cụ, thiết bị
- Trộn và rút gọn mẫu
- Thực hiện thủ tục bàn giao mẫu

2. Kiến thức

- Hướng dẫn gia công mẫu đá vôi.
- Tác dụng, quy cách của các dụng cụ, thiết bị gia công mẫu.
- Quy định về vệ sinh, an toàn dụng cụ, thiết bị gia công mẫu.

IV. CÁC ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

- Dụng cụ trộn mẫu và chia mẫu (chạc chữ thập, xẻng có đầu bằng...)
- Khay tôn
- Mẫu đá vôi
- Sổ bàn giao mẫu hoặc biên bản bàn giao mẫu

V. TIÊU CHÍ VÀ CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG

Tiêu chí đánh giá	Cách thức đánh giá
- Việc gia công mẫu đá vôi được thực hiện đúng theo quy định.	- Giám sát quá trình gia công mẫu đối chiếu với quy định.
- Mẫu đá vôi được trộn, rút gọn phải có tính đồng nhất cao và lấy ngẫu nhiên theo chiều đối đỉnh đảm bảo tính đại	- Giám sát quá trình gia công mẫu đối chiếu với quy định.

diện.	
- Đảm bảo an toàn lao động cho người và thiết bị trong quá trình gia công mẫu.	- Kiểm tra kiến thức về nội quy an toàn lao động theo quy định. - Đánh giá quá trình thực hiện.
- Việc gia công mẫu đã vôi đáp ứng kế hoạch sản xuất.	- Theo dõi việc gia công mẫu đối chiếu với kế hoạch đặt ra.
- Mẫu được bàn giao cho các bộ phận lưu mẫu hoặc phân tích theo khối lượng, tỉ lệ quy định và phải được ghi rõ các nội dung cần thiết trong sổ hoặc biên bản có kí nhận của người giao, nhận mẫu.	- Kiểm tra sổ sách hoặc biên bản giao nhận mẫu.

TIÊU CHUẨN THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

TÊN CÔNG VIỆC: Lưu và bảo quản mẫu đá vôi.

MÃ SỐ CÔNG VIỆC: A3

I. MÔ TẢ CÔNG VIỆC

Đưa mẫu đá vôi sau gia công vào các dụng cụ chứa đựng phù hợp, dán tem nhãn, niêm phong, lưu và bảo quản theo quy định.

II. CÁC TIÊU CHÍ THỰC HIỆN

- Lựa chọn dụng cụ, thiết bị để lưu và bảo quản mẫu đá vôi hợp quy cách.

- Mẫu đá vôi được lưu và bảo quản theo quy định, tránh bị ảnh hưởng bởi các điều kiện môi trường.

- Các thông tin về mẫu, thời gian lưu và thanh lý mẫu được ghi đầy đủ trong sổ quản lý mẫu.

- Thực hiện đúng quy định về an toàn, vệ sinh lao động, bảo quản dụng cụ, thiết bị lưu và bảo quản mẫu.

III. CÁC KỸ NĂNG VÀ KIẾN THỨC THIẾT YẾU

1. Kỹ năng

- Lựa chọn dụng cụ, thiết bị
- Ghi tem nhãn
- Kí hiệu, niêm phong mẫu lưu

2. Kiến thức

- Hướng dẫn lưu và bảo quản mẫu đá vôi.
- Tác dụng, quy cách của các dụng cụ, thiết bị lưu và bảo quản mẫu.
- Quy định về vệ sinh, an toàn dụng cụ, thiết bị lưu và bảo quản mẫu.

IV. CÁC ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

- Dụng cụ chứa đựng (túi nylông, thùng...)
- Xẻng, muôi xúc mẫu
- Tem nhãn, keo dán
- Bút
- Dụng cụ niêm phong mẫu (băng dính, kẹp chì...)
- Giá/tủ đựng mẫu lưu.
- Sổ quản lý mẫu
- Mẫu đá vôi

V. TIÊU CHÍ VÀ CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG

Tiêu chí đánh giá	Cách thức đánh giá
-------------------	--------------------

- Việc lưu và bảo quản mẫu đá vôi được thực hiện đúng theo quy định.	- Giám sát quá trình lưu và bảo quản mẫu đối chiếu với quy định. - Kiểm tra sổ quản lý mẫu lưu
- Mẫu đá vôi được đưa vào dụng cụ chứa đựng, ghi tem nhãn, niêm phong chắc chắn, sắp xếp trên giá/tủ đựng mẫu lưu theo quy định, đảm bảo tránh cho mẫu không bị ảnh hưởng bởi các điều kiện môi trường.	- Giám sát quá trình lưu và bảo quản mẫu đối chiếu với quy định.
- Đảm bảo an toàn lao động cho người và thiết bị trong quá trình lưu và bảo quản mẫu.	- Kiểm tra kiến thức về nội quy an toàn lao động theo quy định. - Đánh giá quá trình thực hiện.
- Việc lưu và bảo quản mẫu đá vôi đáp ứng kế hoạch sản xuất.	- Theo dõi việc lưu và bảo quản mẫu đối chiếu với kế hoạch đặt ra.
- Mẫu đá vôi được quản lý, theo dõi thời gian điều kiện lưu và giao cho bộ phận thanh lý khi đến thời hạn.	- Kiểm tra sổ quản lý mẫu lưu.